|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**SỞ LAO ĐỘNG - TH­­­ƯƠNG BINH****VÀ XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-SLĐTBXH | *Hải Phòng, ngày tháng năm 2023* |

DỰ THẢO

 **TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết về đào tạo nghề**

**trên địa bàn thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa,**

**hiện đại hóa thành phố đến năm 2030**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện quy định của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao tại Công văn số 4004/VP-TH ngày 10/6/2023 về việc triển khai Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm; trong đó *“Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng Đề án về đào tạo nghề trên địa bàn thành phố đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố trên cơ sở Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trong tháng 10/2023”;*

Thực hiện Thông báo số 289/TB-UBND ngày 04/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại buổi kiểm tra một số dự án, bệnh viện và nghe báo cáo một số nội dung; trong đó *“Giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội hoàn thành dự thảo Đề án "Đào tạo nghề trên địa bàn thành phố đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố" trong tháng 8 năm 2023”*;

Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao tại Công văn số 6358/VP-TH ngày 15/9/2023 về việc đôn đốc chuẩn bị tài liệu phục vụ Kỳ họp thứ 12 (Kỳ họp chuyên đề) Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI; trong đó Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được giao chuẩn bị nội dung về Nghị quyết thông qua Đề án Đào tạo nghề trên địa bàn thành phố đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết về đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố đến năm 2030;

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị xây dựng Nghị quyết về đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố đến năm 2030, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở lý luận**

Nguồn lao động là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội ở bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới. Để có nguồn lao động có khả năng đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề đặt ra lớn nhất là cần phải có đội ngũ lao động vừa đông về số lượng và vừa phải có trình độ đào tạo, kỹ năng lao động cần thiết, phù hợp với vị trí công việc được xã hội phân công. Để đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động đáp ứng được nhu cầu của xã hội, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố như trên, đòi hỏi nền giáo dục phải có sự đột phá, đổi mới. Đây là nhiệm vụ có tính chiến lược và cấp bách của Đảng và Nhà nước ta hiện nay, trong đó giáo dục nghề nghiệp (GDNN) là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nền giáo dục đào tạo.

Trong những năm qua, nền kinh tế của thành phố Hải Phòng có sự phát triển vượt bậc, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp của thành phố đã và đang thu hút nhiều dự án quan trọng. Thực tế đòi hỏi cần phải có nguồn lao động tăng cả về số lượng và chất lượng, đó là đội ngũ công nhân lành nghề, cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi, đội ngũ công chức tinh thông chuyên môn nghiệp vụ, những nhà lãnh đạo, quản lý có năng lực... Nhận thức về tầm quan trọng của việc đào tạo, phát triển nguồn lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố, Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố đã quan tâm, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, chính sách thúc đẩy đổi mới mục tiêu hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lao động có tay nghề cao; gắn GDNN với giải quyết việc làm theo yêu cầu của doanh nghiệp. Qua đó, công tác GDNN trên địa bàn thành phố đang chuyển động tích cực về quy mô tuyển sinh, chất lượng và hiệu quả đào tạo, được sự đồng thuận của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người lao động; người lao động sau khi tốt nghiệp học nghề từng bước được doanh nghiệp ghi nhận và ở một số vị trí việc làm trong các dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp, người lao động đã có thể đảm đương thực hiện thay vì lao động nước ngoài thực hiện như trước đây.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: chất lượng nguồn lao động qua đào tạo nghề nhìn chung vẫn chưa đảm bảo đáp ứng yêu cầu của sản xuất và dịch vụ; số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ từ 03 tháng trở lên thấp so với tổng số lao động của thành phố; cơ cấu trình độ và nghề đào tạo chưa hợp lý, chưa gắn bó hữu cơ với nhu cầu lao động của từng ngành, từng địa phương. Thiếu chuyên gia trình độ cao, thiếu công nhân lành nghề; chưa thu hút được nhiều thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề. Việc hợp tác liên doanh, liên kết đào tạo GDNN chưa đạt hiệu quả cao.

**2. Cơ sở pháp lý**

**2.1. Các văn bản của Trung ương**

- Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/1/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã chỉ rõ mục tiêu: *“Xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, động lực phát triển của Bắc bộ và cả nước; có công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững, kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại kết nối thuận lợi với trong nước và quốc tế bằng cả đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không, trọng điểm dịch vụ logistics; trung tâm quốc tế và giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học- công nghệ, kinh tế biển”*;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

- Tại Điểm d khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: *“Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực ở địa phương; biện pháp tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập và cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động”*;

- Tại Điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: *"Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”*;

- Điểm c Khoản 2 Điều 62 Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014 *“Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng đối với các ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu theo danh mục do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định; người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Chính phủ”*;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ghi rõ: *“Đối với giáo dục nghề nghiệp, tập trung đào tạo nhân lực có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp. Hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động trong nước và quốc tế”; đã khẳng định*[*mục tiêu*](https://gdnn.edu.vn/tag/muc-tieu)*: “...Bảo đảm cho học sinh có*[*trình độ*](https://gdnn.edu.vn/tag/tr%C3%ACnh-%C4%91%E1%BB%99)*trung học cơ sở có tri thức phổ thông*[*nền tảng*](https://gdnn.edu.vn/tag/nen-tang)*, đáp ứng*[*yêu cầu*](https://gdnn.edu.vn/tag/yeu-cau)*phân luồng mạnh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông phải*[*tiếp cận*](https://gdnn.edu.vn/tag/tiep-can)[*nghề nghiệp*](https://gdnn.edu.vn/tag/nghe-nghiep)*và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng...”*;

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; quy định đối tượng được miễn học phí tại khoản 17, 18, 19 Điều 1 gồm: *“17. Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp; 18. Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng, đối với các ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định; 19. Người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Các ngành, nghề chuyên môn đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định”.*

**2.2. Các văn bản của thành phố**

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định mục tiêu: *“Đến năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 87% đến 88%; trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%”*;

- Chương trình hành động 76-CTr/TU ngày 08/7/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị, trong đó có chỉ tiêu và nhiệm vụ chủ yếu: *“Phát triển nền công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững; đến năm 2025, cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trở thành thành phố công nghiệp theo hướng hiện đại; đến năm 2030, trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á”; “ Phát triển dịch vụ, trọng tâm là cảng biển và logistics, du lịch; đến năm 2025, đầu tư xây dựng từ 1-3 khu dịch vụ logistics cấp quốc gia, đến năm 2030, Hải Phòng trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế hiện đại bằng cả đường biển, đường hàng không, đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao…; mục tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 là 87-88%, trong đó đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 40%, tuyển sinh đào tạo 10.000 học sinh, sinh viên trình độ trung cấp, cao đẳng và đến năm 2030 là 90%, trong đó 45% có chứng chỉ, tuyển sinh đào tạo 12.000 học sinh, sinh viên trình độ trung cấp, cao đẳng”*;

- Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 04/02/2015 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XI) về *“Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đối với giáo dục nghề nghiệp phải đạt mục tiêu:”Chuyển hướng giáo dục nghề nghiệp sang đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, có kiến thức, kĩ năng, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp, khả năng sử dụng ngoại ngữ; đủ sức cung cấp nguồn nhân lực cho các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố; hướng tới cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động cả trong và ngoài nước”*;

- Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 11/01/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/06/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao” đặt mục tiêu: *“Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng đào tạo nhân lực, góp phần xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trong đó tập trung phát triển nguồn nhân lực có tay nghề cao cho những ngành, lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của thành phố”;* ngoài ra có giải pháp: *“Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách, đa dạng hóa nguồn lực đào tạo nhân lực có tay nghề cao”*;

- Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 24/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018- 2025” trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trong đó tại Phần I. Mục 2 *“Mục tiêu đến năm 2025, đạt mức 40% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên vừa đào tạo chương trình trung cấp nghề vừa học văn hóa chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học phổ thông và đạt mức 45% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng”*.

**3. Cơ sở thực tiễn**

**3.1. Kinh nghiệm cơ chế, chính sách hỗ trợ học nghề của một số tỉnh, thành phố**

Hiện nay, một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có cơ chế, chính sách hỗ trợ học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố, cụ thể:

3.1.1. Tỉnh Quảng Ninh

- Hỗ trợ học sinh, sinh viên tốt nghiệp trung học cơ sở, Trung học phổ thông tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh học hệ chính quy trình độ trung cấp hoặc cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo của tỉnh (07 ngành, nghề thuộc nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật, cơ khí chế tạo, vận tải và xây dựng; 06 ngành, nghề thuộc nhóm ngành, nghề Du lịch, dịch vụ; 02 ngành, nghề thuộc nhóm ngành, nghề Sức khỏe);

Mức hỗ trợ học phí học nghề: Trình độ cao đẳng mức hỗ trợ 50% mức lương cơ sở/người/tháng; trình độ trung cấp mức hỗ trợ 40% mức lương cơ sở/người/tháng.

- Học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh học tiếp lên trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng kết hợp học văn hóa trung học phổ thông theo chương trình giáo dục thường xuyên.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% tiền đóng học phí học văn hóa hàng tháng phải nộp.

*(Nghị quyết số 310/2020/NQ-HĐND ngày 0/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về chính sách hỗ trợ học nghề thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo và hỗ trợ kinh phí, học phí học văn hóa cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025)*

3.1.2. Tỉnh Vĩnh Phúc

Tỉnh Vĩnh Phúc hỗ trợ cho học sinh, sinh viên (trong và ngoài tỉnh) tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ trung cấp, cao đẳng, cao đẳng chương trình đào tạo chất lượng cao tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022-2025.

Hỗ trợ học phí cho học sinh, sinh viên học trình độ trung cấp, cao đẳng đại trà các ngành, nghề theo danh mục ngành, nghề (gồm 14 ngành, nghề nhóm ngành, nghề công nghiệp), làm việc tối thiểu 12 tháng liên tục tại 01 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thì được hỗ trợ học phí một lần theo Nghị quyết này.

Hỗ trợ học phí cho sinh viên học trình độ cao đẳng chương trình chất lượng cao các ngành, nghề (gồm 17 ngành, nghề các nhóm ngành, nghề: công nghiệp; nông nghiệp; sức khỏe), làm việc tối thiểu 12 tháng liên tục tại 01 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo ngành nghề được đào tạo thì được hỗ trợ học phí một lần theo Nghị quyết này.

Học sinh, sinh viên đang hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định của Chính phủ thì không được hưởng hỗ trợ học phí theo Nghị quyết này.

\* Mức hỗ trợ

Học sinh tốt nghiệp trình độ trung cấp đại trà được hỗ trợ 300.000 đồng/người/tháng.

Sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng đại trà được hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng.

Sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng chương trình chất lượng cao được hỗ trợ 800.000 đồng/người/tháng.

\* Thời gian hỗ trợ:Theo thời gian thực học, tối đa không quá 20 tháng/khóa học đối với trình độ trung cấp; tối đa không quá 30 tháng/khóa học đối với trình độ cao đẳng.

*(Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022-2025)*

1.3. Tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Nghị định số [81/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/nghi-dinh-81-2021-nd-cp-quan-ly-hoc-phi-doi-voi-co-so-giao-duc-thuoc-he-thong-giao-duc-quoc-dan-457392.aspx) ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ cho học sinh, người lao động hiện đang sinh sống tại tỉnh Bắc Ninh, đã tốt nghiệp trung học phổ thông tại các trường trong tỉnh tham gia học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Hỗ trợ học sinh, sinh viên học trình độ cao đẳng, trung cấp đối với 29 ngành, nghề có nhu cầu lao động lớn thuộc 04 nhóm ngành, nghề: Kỹ thuật và Công nghệ thông tin; Sản xuất, Chế biến và Xây dựng; Sức khỏe; Dịch vụ, Du lịch và Môi trường.

Người học đủ điều kiện được hỗ trợ học phí học nghề chỉ được hưởng hỗ trợ một lần theo quy định này; người học đã được hỗ trợ học phí học nghề theo các chính sách khác của Nhà nước ở cùng cấp trình độ đào tạo thì không được hỗ trợ.

Trường hợp mức thu học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thấp hơn mức hỗ trợ theo quy định này thì mức hỗ trợ học phí cho người học bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Người học đăng ký học cùng một thời điểm ở hai cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc hai chương trình đào tạo chỉ được hỗ trợ học phí học nghề ở một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc một chương trình đào tạo.

\* Mức hỗ trợ

*Đơn vị tính: Nghìn đồng/người/tháng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhóm ngành, nghề đào tạo** | **Năm học** |
| **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** | **2024-2025** | **2025-2026** |
| 1 | Kỹ thuật và Công nghệ thông tin | 570 | 1.120 | 1.190 | 1.220 | 1.440 |
| 2 | Sản xuất, Chế biến và Xây dựng | 570 | 1.070 | 1.140 | 1.170 | 1.380 |
| 3 | Sức khỏe | 1.200 | 1.310 | 1.390 | 1.420 | 1.680 |
| 4 | Dịch vụ, Du lịch và Môi trường | 570 | 930 | 990 | 1.020 | 1.200 |

\* Thời gian hỗ trợ học nghề là thời gian thực học của chương trình đào tạo toàn khoá, nhưng không quá 30 tháng đối với đào tạo trình độ cao đẳng và không quá 20 tháng đối với đào tạo trình độ trung cấp; thời gian hỗ trợ học phí đào tạo các nghề đặc thù tối đa không quá 30 tháng.

*(Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh, từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026)*

Qua nghiên cứu, trao đổi với một số tỉnh, thành phố về chính sách đặc thù hỗ trợ hoạt động GDNN cho thấy, hiện nay các địa phương trực thuộc Trung ương như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ, Đà Nẵng chưa có chính sách đặc thù hỗ trợ hoạt động GDNN; một số địa phương theo quy định được ngân sách Trung ương hỗ trợ hoạt động như tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã ban hành chính sách đặc thù nhưng mới chỉ hỗ trợ học phí hoặc hỗ trợ chi phí học tập đối với người học; chưa có chính sách đặc thù hỗ trợ viên chức GDNN và hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo cho các cơ sở GDNN trên địa bàn các tỉnh.

**2. Thực trạng thực hiện chính sách về hỗ trợ hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố**

**2.1. Chính sách đối với người học**

- Về công tác phân luồng vào học GDNN

Triển khai thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn các trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông (THPT), Trung tâm Giáo dục thường xuyên (GDTX) thành phố, các trung tâm GDNN-GDTX quận, huyện phối hợp với các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN trên địa bàn thành phố tăng cường tuyên truyền, tư vấn, tuyển sinh GDNN đến các học sinh thuộc quyền quản lý nhằm thực hiện có hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau THCS và THPT vào học các trình độ GDNN. Căn cứ vào thực tiễn và học lực của học sinh, các cơ sở giáo dục tập trung định hướng, hướng nghiệp cho học sinh lựa chọn học lên THPT, học GDNN hoặc đi làm. Đối với các trường THPT, học sinh được cung cấp thông tin về đặc điểm ngành, nghề, bí quyết chọn nghề, những sai lầm khi chọn nghề, những nghề thị trường đang có nhu cầu… Giai đoạn 2020-2022, thành phố Hải Phòng có 91.765 học sinh tốt nghiệp THCS, 62.431 học sinh tốt nghiệp THPT; trong đó, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở GDNN đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp hoặc cơ sở GDNN-GDTX khoảng 9,8%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở GDNN đào tạo trình độ cao đẳng chiếm khoảng 18%.

- Về chính sách miễn, giảm học phí, cấp học bổng

+ Về chính sách miễn, giảm học phí: Hiện nay, đối với chính sách hỗ trợ người học nghề, Thành phố đang áp dụng bảo đảm các chính sách của Trung ương. Giai đoạn 2016 đến nay, các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố tiếp tục triển khai có hiệu quả quy định, chính sách hỗ trợ học sinh đã tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp được miễn học phí 100% theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ theo hình thức liên kết giữa các trường cao đẳng, trường trung cấp và trung tâm GDNN-GDTX các quận/huyện để tổ chức vừa dạy văn hóa theo chương trình GDTX cấp THPT vừa đào tạo trình độ trung cấp cho học sinh hoàn thành chương trình THCS/có bằng tốt nghiệp THCS (theo nhu cầu của người học). Theo đó, sau 03 năm học, khi tốt nghiệp, học sinh sẽ được nhận bằng tốt nghiệp THPT và bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp đối với nghề được đào tạo. Giai đoạn 2016 đến nay, các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố tiếp tục triển khai có hiệu quả quy định, chính sách giảm 70% học phí, giảm 50% học phí tùy theo từng loại đối tượng cụ thể quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Chính sách miễn, giảm học phí nêu trên được chi trả trực tiếp cho người học thông qua phương thức cấp bù miễn, giảm học phí.

Năm 2020, 2021, 2022, ngân sách thành phố đã bố trí trên 5.000 triệu đồng/năm để cấp bù kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

+ Về hỗ trợ học bổng: Các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố áp dụng thực hiện cấp chính sách học bổng gồm học bổng khuyến khích học tập và học bổng chính sách theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục; trong đó, quy định chính sách cấp học bổng khuyến khích học tập cho người học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong kỳ xét cấp học bổng; có 03 mức học bổng khuyến khích học tập: học bổng loại khá, học bổng loại giỏi, học bổng loại xuất sắc; quy định cấp học bổng khuyến khích được bố trí tối thiểu 8% nguồn thu học phí đối với trường công lập và tối thiểu 2% nguồn thu học phí đối với trường tư thục; và quy định cấp học bổng chính sách cho một số đối tượng ưu tiên nhằm khuyến khuyến khích học sinh, sinh viên trong các cơ sở GDNN phấn đấu, rèn luyện nâng cao kết quả cao trong học tập. Đồng thời, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng ưu tiên, đối tượng thuộc nhóm yếu thế… có cơ hội được học tập tại các cơ sở GDNN, gồm các đối tượng là người học theo chế độ cử tuyển và người học tại cơ sở GDNN dành cho thương binh, người khuyết tật; quy định cấp học bổng đối với người học theo chế độ cử tuyển tại cơ sở GDNN dành cho thương binh, người khuyết tật với mức học bổng bằng 80% mức lương cơ sở/tháng; đối với học viên là thương binh thuộc hộ nghèo học trong các cơ sở GDNN dành cho thương binh, người khuyết tật với mức học bổng bằng 100% mức lương cơ sở/tháng.

Theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP nêu trên, chính sách học bổng được chi trả trực tiếp cho người học.

+ Về chính sách tín dụng HSSV được thực hiện bảo đảm quy định của Chính phủ; các chính sách nêu trên đã tạo động lực, khuyến khích học nghề.

- Về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Giai đoạn 2016 đến nay, Thành phố Hải Phòng bố trí 33.000 triệu đồng để hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Hải Phòng.

- Về chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng: Thành phố Hải Phòng hiện có Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố; theo đó người lao động trên địa bàn thành phố tham gia học nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng tại các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố tùy từng nghề đào tạo và đối tượng, được hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

**2.2. Chính sách đối với cơ sở GDNN**

Giai đoạn 2016 đến năm 2020, các cơ sở GDNN công lập trên địa bàn thành phố tiếp tục được bố trí nguồn vốn ngân sách Trung ương và Thành phố, cụ thể: từ Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN”, các Dự án, chương trình chuyển giao công nghệ lĩnh vực GDNN và từ nguồn tự chủ của đơn vị để tập trung tăng cường các điều kiện phục vụ đào tạo nghề nghiệp; các trường cao đẳng, trung cấp tư thục chủ động bố trí kinh phí tự đầu tư tập trung cho các nghề trọng điểm. Cụ thể:

- Về Dự án “Đổi mới và Nâng cao chất lượng GDNN”: Giai đoạn 2016 đến năm 2020, tổng số kinh phí do Trung ương bố trí là 184.160 triệu đồng, trong đó: 151.160 triệu đồng cho 21 lượt nghề trọng điểm của các cơ sở GDNN thuộc Bộ, ngành Trung ương hoạt động trên địa bàn thành phố (gồm: 08 lượt nghề trọng điểm quốc tế, 06 lượt nghề trọng điểm khu vực ASEAN và 07 lượt nghề trọng điểm quốc gia) và 33.000 triệu đồng cho 09 lượt nghề trọng điểm của 04 cơ sở GDNN thuộc thành phố Hải Phòng (gồm: 01 nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN và 08 nghề trọng điểm cấp độ quốc gia).

- Giai đoạn 2016 đến năm 2021, ngân sách thành phố bố trí 14.913 triệu đồng để cải tạo cơ sở vật chất cho các cơ sở GDNN công lập trực thuộc; năm 2021, kinh phí do Thành phố bố trí xây dựng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng (Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng) là 375.685.246.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo Nghị quyết 31/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định về chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng (giai đoạn 1), bảo đảm đạt tiêu chí về cơ sở vật chất của trường cao đẳng chất lượng cao theo Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu đào tạo lao động kỹ thuật có kỹ năng nghề cao, chất lượng cao ở các lĩnh vực nghề trọng điểm, quy mô tuyển sinh trung bình khoảng 2.000 học sinh, sinh viên, học viên/năm.

Hầu hết cơ sở vật chất, phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, thiết bị đào tạo đều được đầu tư theo nghề trọng điểm theo Dự án “Đổi mới và phát triển dạy nghề” giai đoạn 2011-2015 và Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN” giai đoạn 2016-2020 từ nguồn ngân sách Trung ương; theo đánh giá của các trường hiện nay số lượng thiết bị đã được đầu tư cho một số nghề trọng điểm mới chỉ đạt khoảng 60-70% thiết bị theo yêu cầu; ngoài ra một số trường trung cấp như Trường Trung cấp Thủy sản (nay được sáp nhập vào Trường Cao đẳng Lao động – Xã hội Hải Phòng và đổi tên thành Trường Cao đẳng Kinh tế Hải Phòng theo Quyết định số 1295/QĐ-LĐTBXH ngày 21/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội), Trường Trung cấp Xây dựng (nay được sáp nhập cùng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hải Phòng vào Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng và đổi tên thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng theo Quyết định số 1297/QĐ-LĐTBXH ngày 21/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội) và 10 trung tâm GDNN được đầu tư theo chính sách Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ từ nguồn ngân sách trung ương từ những năm đầu thực hiện Đề án (năm 2010-2013) đến nay đã lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo hiện nay.

Qua đó cho thấy, những năm qua, ngoài Dự án xây mới Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng, ngân sách Thành phố hàng năm chỉ bố trí sửa chữa nhỏ cho các cơ sở GDNN công lập thuộc Thành phố quản lý[[1]](#footnote-1), chưa bố trí kinh phí để mua sắm bổ sung thiết bị đào tạo, dẫn đến điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của các cơ sở GDNN công lập thuộc thành phố quản lý xuống cấp, ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Đối với các cơ sở GDNN thuộc các Bộ, ngành Trung ương hoạt động trên địa bàn thành phố và các cơ sở GDNN tư thục đều được Thành phố hỗ trợ bố trí bảo đảm diện tích đất theo quy định; cơ quan chủ quản (các Bộ, ngành Trung ương chủ quản) hoặc chủ đầu tư, chủ sở hữu đối với cơ sở tư thục đã bố trí nguồn đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, song cũng chỉ tập trung cho ngành, nghề trọng điểm được phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025.

\* Về xã hội hóa GDNN và các nguồn lực khác: Tổng kinh phí tự đầu tư của các cơ sở GDNN tư thục trong giai đoạn 2016 đến nay, ước khoảng hơn 70 tỷ đồng cho 05 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, 03 nghề đạt cấp độ khu vực ASEAN và 03 nghề đạt cấp độ quốc gia. Ngoài ra, các cơ sở GDNN đều chủ động huy động hàng chục tỷ đồng từ nhiều nguồn vốn khác để đầu tư tăng cường các điều kiện phục vụ đào tạo cho các nghề khác; mở rộng nghề đào tạo và xây dựng thương hiệu, uy tín cho cơ sở mình.

**2.3. Chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN**

Giai đoạn 2016 đến nay, nhà giáo GDNN được hưởng các chính sách chung đối với nhà giáo trong hệ thống giáo dục quốc dân; ngoài ra, cũng có một số chế độ, chính sách riêng đối với nhà giáo GDNN (như: chế độ làm việc, chính sách về phụ cấp cho nhà giáo khi dạy thực hành các nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và phụ cấp đặc thù cho nhà giáo đào tạo nghề cho người khuyết tật) cũng đã được ban hành và triển khai tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, những chính sách này còn có những bất cập, chưa khuyến khích, thu hút những người có năng lực vào tham gia đào tạo nghề nghiệp, chưa tạo ra sự gắn bó, tâm huyết với nghề nghiệp. Cụ thể là:

*- Về chế độ tiền lương:* Hoạt động của nhà giáo GDNN mang tính đặc thù, một mặt, họ phải là một nhà sư phạm, mặt khác là một cán bộ kỹ thuật, một công nhân lành nghề; trong khi đó, chính sách tiền lương chưa thể hiện sự ưu đãi mang tính đặc thù đó. Nếu so sánh giảng viên GDNN với những người cùng trình độ được đào tạo làm việc trong lĩnh vực sản xuất hoặc trong các lĩnh vực khác thì mức lương thu nhập của người giảng viên GDNN thấp hơn rất nhiều. Đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng không thu hút được những người có trình độ, có tay nghề giỏi, có thực tế sản xuất chuyển tham gia đội ngũ nhà giáo GDNN ở các cơ sở GDNN. Ngược lại, nhiều nhà giáo GDNN có trình độ tay nghề cao muốn chuyển sang làm việc tại các doanh nghiệp.

*- Về chính sách đào tạo, bồi dưỡng*: Do tính chất nghề nghiệp, nhà giáo GDNN luôn có yêu cầu được bồi dưỡng cập nhật kiến thức khoa học và công nghệ, thực tế sản xuất cũng như tiếp cận với các phương pháp giảng dạy tiên tiến. Nhưng trong thực tế, những chính sách, chế độ đối với việc bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức khoa học và công nghệ... cho nhà giáo GDNN chưa được thể chế hoá. Việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ của nhà giáo GDNN hiện nay phụ thuộc chủ yếu vào sự cố gắng, quyết tâm trên cơ sở tự lực vươn lên của bản thân giáo viên và sự quan tâm của lãnh đạo từng cơ sở GDNN.

Thành phố chưa có chính sách riêng thu hút cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên tham gia đội ngũ nhà giáo cơ hữu tại các cơ sở GDNN của Thành phố; cũng chưa có chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề hàng năm (không thường xuyên) cho nhà giáo GDNN. Giai đoạn 2016 đến nay, Thành phố đã bố trí kinh phí chi thường xuyên tổ chức lớp bồi dưỡng, song số lượng nhà giáo được tham gia còn chiếm tỷ lệ nhỏ, chưa đáp ứng được nhu cầu. Thành phố chưa có những chính sách khuyến khích động viên đối với nhà giáo GDNN tự phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng bậc kỹ năng thực hành nghề... Chưa có cơ chế, chính sách để doanh nghiệp và cơ sở GDNN tạo điều kiện cho nhà giáo GDNN được đi thực tế tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hàng năm.

**2.4. Chính sách đối với mô hình liên kết GDNN với doanh nghiệp**

Mô hình liên kết GDNN với doanh nghiệp đã bước đầu được hình thành thông qua nhiều hình thức như: Doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo chuẩn đầu ra của các cơ sở GDNN; tiếp nhận học sinh, sinh viên (HSSV) vào thực tập tại doanh nghiệp; hỗ trợ cơ sở GDNN về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, xưởng thực hành; phối hợp đưa HSSV của cơ sở GDNN thăm quan dây chuyền sản xuất tại nhà máy của doanh nghiệp để cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật; tài trợ học bổng cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn để khuyến khích, động viên; trả lương cho HSSV tham gia học lý thuyết tại cơ sở GDNN, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; tham gia sát hạch tay nghề HSSV, đánh giá kỹ năng nghề của nhà giáo GDNN. Một số cơ sở GDNN có uy tín, được doanh nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp phối hợp, đặt hàng đào tạo cung cấp lao động; 05 trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố được Tổ chức Cứu trợ Trẻ em quốc tế SCI hỗ trợ thành lập Góc việc làm, xây dựng mô hình liên kết GDNN với doanh nghiệp.

Tuy nhiên việc gắn kết giữa doanh nghiệp và cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố chưa thực sự chặt chẽ, tỷ lệ doanh nghiệp tham gia là chủ thể của hoạt động GDNN còn thấp, chủ yếu tham gia vào các hoạt động GDNN như xây dựng chương trình, tiếp nhận người học đến thực tập, tham gia đào tạo, tuyển dụng; đồng thời chưa làm rõ được lợi ích và trách nhiệm của các bên liên quan. Số lượng trường có mô hình được Tổ chức Cứu trợ Trẻ em quốc tế SCI hỗ trợ quá ít (05/39 cơ sở GDNN), thành phố chưa có chính sách đặc thù hỗ trợ nhân rộng mô hình liên kết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**

Phát triển nhanh nguồn nhân lực nghề nghiệp có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thành phố, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của thành phố; trong đó tập trung đào tạo lao động bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhân lực cho những ngành, lĩnh vực mũi nhọn có vai trò quyết định, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội thành phố;

Tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp. Củng cố mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố, đa dạng về loại hình đào tạo; nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục nghề nghiệp thành phố gắn với vị trí việc làm;

Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ từ 3 tháng trở lên của thành phố.

**2. Quan điểm xây dựng văn bản**

- Phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội thành phố và khả năng cân đối nguồn ngân sách.

- Phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đúng thẩm quyền; hình thức, trình tự, thủ tục.

- Đảm bảo chính sách được thực hiện hiệu quả, tính khả thi cao.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Đề án quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí đào tạo đối với người lao động chưa có bằng cấp, chứng chỉ có nhu cầu học nghề theo yêu cầu về lao động của doanh nghiệp đáp ứng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố; hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố; hỗ trợ một số điều kiện bảo đảm hoạt động GDNN của cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố.

Thời gian thực hiện từ năm 2024 đến năm 2030.

**2. Đối tượng áp dụng**

- Người lao động chưa có bằng cấp, chứng chỉ có nhu cầu học nghề theo yêu cầu của doanh nghiệp đáp ứng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố;

- Học sinh tốt nghiệp THPT tham gia học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; học sinh tốt nghiệp THCS tham gia học trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố;

- Nhà giáo GDNN (nhà giáo cơ hữu, nhà giáo thỉnh giảng) giảng dạy tại các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố;

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Chính sách 1: Chính sách hỗ trợ người học**

**1.1. Mục tiêu của chính sách**

- Chuẩn hóa chứng chỉ, bằng cấp theo quy định cho người lao động; đào tạo nghề cho người lao động để phù hợp với yêu cầu công việc.

- Thu hút học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia học trình độ trung cấp; góp phần phát triển và cung cấp nguồn nhân lực có tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố.

**1.2. Nội dung của chính sách**

**1.2.1. Chính sách hỗ trợ đào tạo lại**

**Đối tượng:** Người lao động (trong và ngoài thành phố) đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, chưa có bằng cấp, chứng chỉ tham gia học trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp tại các cơ sở GDNN (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố.

**a) Giai đoạn 2024-2025**

**a.1. Đối với trình độ trung cấp**

- Chính sách: Thành phố **hỗ trợ học phí** cho người học.

- Mức hỗ trợ: **50% học phí** trình độ trung cấp theo mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

- Điều kiện được hỗ trợ: Người lao động (trong và ngoài thành phố) đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, chưa có bằng cấp, chứng chỉ **được doanh nghiệp cử đi học** trình độ trung cấp **đối với 07 ngành, nghề đào tạo** đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố tại các cơ sở GDNN (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố.

- Nguyên tắc hỗ trợ: Người học thuộc đối tượng thụ hưởng của nhiều chính sách hỗ trợ có cùng tính chất thì được hưởng chế độ cao nhất theo quy định của chính sách đó. Người học được hưởng hỗ trợ học nghề chỉ được hỗ trợ một lần theo chính sách này.

- Về danh mục ngành, nghề: Bám sát định hướng tại Nghị quyết số 45-NQ/TW[[2]](#footnote-2), Nghị quyết 30-NQ/TW[[3]](#footnote-3); Nghị quyết số 09-NQ/ĐH[[4]](#footnote-4), danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng[[5]](#footnote-5); thành phố dự kiến hỗ trợ các ngành, nghề thuộc các ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố; ngành, nghề thị trường lao động có nhu cầu; ngành, nghề mà thị trường lao động thiếu nhưng do chi phí đào tạo cao nên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp không muốn đào tạo; ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm[[6]](#footnote-6); trước mắt ưu tiên một số ngành, nghề thuộc nhóm: Điện - Điện tử, Logistics, Công nghệ thông tin, Du lịch - Dịch vụ…

Cụ thể 07 ngành, nghề đề xuất: Logistics; Điện tử công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp; Hàn; Công nghệ ô tô; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Quản trị khách sạn.

- Về quy định mức trần học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP:

+ Mức trần học phí trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp được quy định theo 08 nhóm ngành, nghề đào tạo tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Danh mục ngành, nghề đào tạo quy định tại Thông tư 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Theo đó 07 ngành, nghề khuyến khích hỗ trợ đào tạo đề xuất nêu trên thuộc các nhóm ngành, nghề đào tạo tương ứng như sau:

++ Nghề: Logisticsthuộc nhóm ngành, nghề “Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh”;

++ Các nghề: Điện tử công nghiệp, Tự động hóa công nghiệp, Hàn, Công nghệ ô tô, Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) thuộc nhóm ngành, nghề “Kỹ thuật và công nghệ thông tin”;

++ Nghề: Quản trị khách sạn thuộc nhóm ngành, nghề “Dịch vụ, du lịch và môi trường”;

- Đề xuất mức hỗ trợ học phí: Căn cứ quy định về mức trần học phí tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đối với các nhóm ngành, nghề đào tạo như đã nêu trên; đề xuất mức hỗ trợ bằng 50% mức trần học phí trình độ trung cấp theo từng nhóm ngành, nghề đào tạo tương ứng theo năm học 2024-2025 và năm học 2025-2026, như sau:

Bảng 1.1.1.Quy định mức trần học phí năm học 2024-2025,

năm học 2025-2026 và đề xuất mức hỗ trợ học phí của thành phố

*Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng*

| **TT** | **Nhóm ngành, nghề đào tạo** | **Năm học 2024-2025** | **Năm học 2025-2026** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP  | Mức hỗ trợ Thành phố đề xuất | Tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP  | Mức hỗ trợ Thành phố đề xuất |
| 1 | Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh | 1.360 | 680 | 1.600 | 800 |
| 2 | Kỹ thuật và công nghệ thông tin | 2.040 | 1.020 | 2.400 | 1.200 |
| 3 | Dịch vụ, du lịch và môi trường | 1.700 | 850 | 2.000 | 1.000 |

- Về số lượng người lao động có nhu cầu được đào tạo lại

Theo kết quả tổng hợp nhu cầu học nghề của người lao động chưa có bằng cấp, chứng chỉ đang làm việc trong doanh nghiệp năm 2024, 2025 từ Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và Ủy ban nhân dân các quận, huyện đối với 07 ngành, nghề đào tạo nêu trên; năm 2024 nhu cầu hỗ trợ đào tạo trình độ trung cấp là 860 người *(nhóm ngành, nghề Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh: 227 người; nhóm ngành, nghề Kỹ thuật và công nghệ thông tin: 626 người; nhóm ngành, nghề Dịch vụ, du lịch và môi trường: 7 người)*; năm 2025 nhu cầu hỗ trợ đào tạo trình độ trung cấp là 825 người *(nhóm ngành, nghề Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh: 220 người; nhóm ngành, nghề Kỹ thuật và công nghệ thông tin: 605 người; nhóm ngành, nghề Dịch vụ, du lịch và môi trường: 0 người).*

- Về thời gian hỗ trợ: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Giáo dục nghề nghiệp, thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế đối với người có bằng tốt nghiệp THCS trở lên là từ 01 đến 02 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo; thành phố dự kiến thời gian hỗ trợ học phí cho người học trình độ trung cấp tối đa 20 tháng.

- Phương thức thực hiện: Kinh phí hỗ trợ học phí được thực hiện thông qua cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố) tổ chức đào tạo trình độ trung cấp.

 - Dự kiến giai đoạn 2024-2025: Số người được hỗ trợ 1.685 người, số kinh phí dự kiến 26.406.300.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ, bốn trăm linh sáu triệu, ba trăm nghìn đồng)*.

**a.2. Đối với trình độ sơ cấp**

- Thành phố hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Về danh mục nghề: Theo quy định tại Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND.

- Về số người có nhu cầu học: Theo kết quả tổng hợp nhu cầu học nghề của người lao động chưa có bằng cấp, chứng chỉ đang làm việc trong doanh nghiệp năm 2024, 2025 từ Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và Ủy ban nhân dân các quận, huyện đối với trình độ sơ cấp; năm 2024 có 1.994 người có nhu cầu hỗ trợ đào tạo; năm 2025 có 2.266 người có nhu cầu hỗ trợ đào tạo.

- Về mức hỗ trợ chi phí đào tạo: Các nghề thuộc nhóm kỹ thuật, cơ khí, mức hỗ trợ chi phí đào tạo quy định tại Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND là 1.950.000 đồng/người/khóa đào tạo. Các nghề thuộc nhóm nghề dịch vụ, du lịch, kinh doanh, may mặc mức hỗ trợ chi phí đào tạo quy định tại Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND là 1.800.000 đồng/người/khóa đào tạo.

- Về thời gian hỗ trợ: Hỗ trợ 03 tháng/khóa đào tạo.

- Dự kiến kinh phí hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp: Cộng năm 2024-2025: Số người được hỗ trợ: 4.260 người; Số kinh phí: 8.074.350.000 đồng *(bằng chữ: Tám tỷ, không trăm bảy mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).*

**b) Giai đoạn 2026-2030**

**b.1. Đối với trình độ trung cấp**

- Danh mục ngành, nghề đào tạo được hỗ trợ thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp.

- Chính sách: Thành phố **hỗ trợ học phí** cho người học.

- Mức hỗ trợ: Đề xuất áp dụng mức hỗ trợ bằng 50% mức trần học phí trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp của nhóm ngành, nghề đào tạo có mức trần học phí trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp cao nhất năm học 2025-2026 quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Mức trần học phí cao nhất năm học 2025-2026 là 2.800.000 đồng/người/tháng. Theo đó, đề xuất mức hỗ trợ học phí cho người học các ngành, nghề đào tạo giai đoạn 2026-2030 là 1.400.000 đồng/người/tháng.

- Về số người có nhu cầu học: Theo kết quả tổng hợp nhu cầu học nghề của người lao động chưa có bằng cấp, chứng chỉ đang làm việc trong doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030 từ Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, số người có nhu cầu hỗ trợ là 4.114 người.

- Điều kiện được hỗ trợ: Người lao động (trong và ngoài thành phố) đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, chưa có bằng cấp, chứng chỉ **được doanh nghiệp cử đi học** trình độ trung cấp **đối với các ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp** theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại các cơ sở GDNN (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố.

- Cộng giai đoạn 2026-2030, số người có nhu cầu hỗ trợ là 4.114 người, số kinh phí dự kiến 115.192.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm mười lăm tỷ, một trăm chín mươi hai triệu đồng)*.

**b.2. Đối với trình độ sơ cấp**

- Thành phố hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp cho người lao động có nhu cầu học nghề theo quy định.

- Mức hỗ trợ: đề xuất áp dụng mức hỗ trợ chi phí đào tạo bằng mức hỗ trợ chi phí đào tạo của nhóm nghề kỹ thuật, cơ khí, nhóm nghề có mức hỗ trợ chi phí đào tạo cao nhất tại Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND là 1.950.000 đồng/người/khóa đào tạo.

- Về số người có nhu cầu học: Theo kết quả tổng hợp nhu cầu học nghề của người lao động chưa có bằng cấp, chứng chỉ đang làm việc trong doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030 từ Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, số người có nhu cầu hỗ trợ đào tạo là 2.790 người.

- Cộng giai đoạn 2026-2030, số người có nhu cầu hỗ trợ đào tạo là 2.790 người, số kinh phí: 5.440.500.000 đồng *(bằng chữ: Năm tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, năm trăm nghìn đồng).*

**1.2.2. Chính sách hỗ trợ đào tạo mới**

**1.2.1. Đối với học sinh không có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hải Phòng**

Đối tượng:Học sinh **không có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hải Phòng** tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia học trình độ trung cấp, tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các cơ sở GDNN (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố.

**a) Giai đoạn 2024-2025**

- Chính sách: Thành phố **hỗ trợ chi phí học tập** cho người học.

- Mức hỗ trợ: **1,8 triệu đồng**/người/tháng (bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng hiện hành).

- Nội dung hỗ trợ chi phí học tập: dự kiến hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, mua sách vở, dụng cụ học tập…

- Điều kiện được hỗ trợ: Người học tại cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố có cam kết việc làm của cơ sở GDNN trực tiếp tuyển sinh và đào tạo thông qua Hợp đồng tiếp nhận lao động sau đào tạo giữa cơ sở GDNN đó với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Nguyên tắc hỗ trợ: Người học thuộc đối tượng của nhiều chính sách hỗ trợ có cùng tính chất thì được hưởng chế độ cao nhất theo quy định tại chính sách đó. Người học được hưởng hỗ trợ học nghề chỉ được hỗ trợ một lần theo chính sách này.

- Phương thức thực hiện: Việc thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập được chi trả trực tiếp cho người học.

- Danh mục ngành, nghề đào tạo: Theo danh mục ngành, nghề đào tạo tại điểm a.1 khoản 1.2 Mục IV.

- Thời gian hỗ trợ đào tạo:

+ Trình độ trung cấp: Tối đa 20 tháng[[7]](#footnote-7).

+ Trình độ cao đẳng: Tối đa 30 tháng[[8]](#footnote-8).

- Về số người được hỗ trợ:

Theo kết quả tổng hợp từ các trường cao đẳng, trường trung cấp về học sinh **không có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hải Phòng** tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia học trình độ trung cấp, tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các cơ sở GDNN (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố đối với 07 ngành, nghề đào tạo giai đoạn 2020-2022 khoảng 270 người học/năm (khoảng 95 người học trình độ cao đẳng, khoảng 175 người học trình độ trung cấp).

Dự kiến khi chính sách này được ban hành sẽ thu hút tăng thêm khoảng 10% người học so với trung bình giai đoạn 2020-2022; theo đó, dự kiến số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp năm 2024 đối với 07 ngành, nghề đào tạo nêu trên là 300 người (110 người học trình độ cao đẳng, 190 người học trình độ trung cấp); năm 2025 tăng khoảng 13% so với trung bình giai đoạn 2020-2022, dự kiến số người học là 350 người (130 người học trình độ cao đẳng, 220 người học trình độ trung cấp).

- Dự kiến kinh phí giai đoạn 2024-2025: Số người được hỗ trợ: 650 người; số kinh phí: *17.100.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười bảy tỷ, một trăm triệu đồng).*

**b) Giai đoạn 2026-2030**

- Chính sách: Thành phố **hỗ trợ chi phí học tập** cho người học.

- Mức hỗ trợ: **1,8 triệu đồng**/người/tháng (bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng năm 2023).

- Danh mục ngành, nghề đào tạo được hỗ trợ thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Số người được hỗ trợ: 5.745 người;Số kinh phí dự kiến: 103.410.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm linh ba tỷ, bốn trăm mười triệu đồng)*

**1.3. Giải pháp thực hiện chính sách**

- Phương án hỗ trợ: Ngân sách thành phố hỗ trợ.

- Tổ chức thực hiện: Sau khi Nghị quyết được ban hành, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, các đơn vị liên quan tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện; trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

**1.4. Lý do lựa chọn chính sách**

Hiện nay thành phố chưa có quy định về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp học trình độ trung cấp; chưa có quy định về chính sách đặc thù hỗ trợ chi phí học tập cho người học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp.

Chuẩn hóa bằng cấp, chứng chỉ cho người lao động; đào tạo nghề cho người lao động để phù hợp với yêu cầu công việc; góp phần đảm bảo mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 87% đến 88%; trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%.

Việc đề xuất xây dựng chính sách đặc thù của thành phố không trùng lặp với các chính sách hiện hành của Trung ương ban hành.

- Lý do lựa chọn mức hỗ trợ:

+ Thực hiện mục tiêu đáp ứng lao động có tay nghề cao cho thị trường lao động; chuẩn hóa chứng chỉ, bằng cấp cho người lao động theo quy định;

+ Phù hợp với mức ngân sách thành phố có thể cân đối;

+ Tương xứng với vị thế của thành phố trực thuộc Trung ương.

**2. Chính sách 2: Chính sách hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

**2.1. Mục tiêu của chính sách**: Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phục vụ hoạt động GDNN cho các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố.

**2.2. Nội dung của chính sách**

Giai đoạn 2026-2030, 04 trường cao đẳng, trung cấp công lập thuộc thành phố quản lý, gồm: Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng, Trường Cao đẳng Kinh tế Hải Phòng, Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng, Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Du lịch Hải Phòng. Cụ thể:

Bảng 1.1.2. Dự kiến chính sách hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp

*Đơn vị tính: Nghìn triệu đồng*

| **STT** | **Tên cơ sở GDNN** | **Tổng** | **Đầu tư cơ sở vật chất** | **Mua sắm thiết bị đào tạo** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng | 484,4 | 400 | 84,4 |
| 2 | Trường Cao đẳng Kinh tế Hải Phòng | 285 | 230 | 55 |
| 3 | Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng | 22,11 | 12,11 | 10 |
| 4 | Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Hải Phòng | 50,29 | 30,33 | 19,96 |
|  | **Cộng**  | **841,8** | **672,44** | **169,36** |

Kinh phí hỗ trợ: **841.800.000.000** đồng *(Bằng chữ: Tám trăm bốn mươi mốt tỷ, tám trăm triệu đồng).*

**2.3. Giải pháp thực hiện chính sách**

- Phương án hỗ trợ: Ngân sách thành phố hỗ trợ.

- Tổ chức thực hiện: Sau khi Nghị quyết được ban hành, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, các đơn vị liên quan tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện; trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

**2.4. Lý do lựa chọn chính sách**

Đối với Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng: Đề xuất thành phố bố trí kinh phí xây dựng giai đoạn 2 đối với Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng nhằm hoàn thiện các hạng mục công trình xây dựng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão; đề xuất mua sắm thiết bị đào tạo nhằm bảo đảm các điều kiện để đến năm 2026 Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng thực hiện công tác kiểm định chất lượng GDNN đạt tiêu chẩn trường cao đẳng chất lượng cao theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đối với Trường Cao đẳng Kinh tế Hải Phòng: Đề xuất thành phố bố trí kinh phí xây mới khu đào tạo chuyên biệt dành cho người khuyết tật và ký túc xá phục vụ nội trú cho học viên là người khuyết tật và các học viên khác; sửa chữa chống xuống cấp các công trình xây dựng tại trụ sở chính 264 Trần Nhân Tông; mua mới một số thiết bị đào tạo đối với 16 ngành, nghề đào tạo.

Đối với Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng: Đề xuất thành phố bố trí kinh phí để cải tạo, sửa chữa một số hạng mục; mua sắm thiết bị đào tạo, trong đó có 02 ngành, nghề trọng điểm phục vụ hoạt động GDNN của Trường.

Đối với Trường Trung cấp Văn hóa và Nghệ thuật và Du lịch Hải Phòng: Đề xuất thành phố bố trí kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Hải Phòng (nâng cấp từ TRường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Hải Phòng).

**3. Chính sách 3: Chính sách hỗ trợ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp**

**3.1. Mục tiêu của chính sách**: Chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo GDNN trên địa bàn thành phố. Thu hút nhà giáo thỉnh giảng tham gia giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố.

**3.2. Nội dung của chính sách**

3.2.1. Chính sách đối với nhà giáo cơ hữu

Đối tượng: Nhà giáo cơ hữu đang giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng, trường trung cấp (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố.

Nội dung: Hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng kỹ năng nghề.

Mức hỗ trợ: 10.000.000 đồng/người/khóa.

Dự kiến giai đoạn 2024-2025 hỗ trợ cho 120 nhà giáo, số kinh phí hỗ trợ: 1.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng chẵn).

Dự kiến giai đoạn 2026-2030 hỗ trợ cho 450 nhà giáo, số kinh phí hỗ trợ: 4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

3.2.2. Chính sách đối với nhà giáo thỉnh giảng

a) Chính sách hỗ trợ kinh phí chi thù lao giảng dạy

Đối tượng: Nhà giáo đang giảng dạy tại các trường đại học sư phạm kỹ thuật, các trường đại học trong và ngoài thành phố, cán bộ kỹ thuật tại các doanh nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên… tham gia giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố.

Nội dung: Hỗ trợ kinh phí chi thù lao giảng dạy.

Mức chi thù lao giảng dạy: 150.000 đồng/giờ chuẩn.

Dự kiến giai đoạn 2024-2025 hỗ trợ cho 100 nhà giáo, số kinh phí hỗ trợ: 3.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng chẵn).

Dự kiến giai đoạn 2026-2030 hỗ trợ cho 250 nhà giáo, số kinh phí hỗ trợ: 7.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ năm trăm triệu đồng chẵn);

b) Chính sách hỗ trợ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm

Đối tượng: Nhà giáo là cán bộ kỹ thuật tại các doanh nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên… tham gia giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố.

Nội dung: Hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

Mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/khóa.

Dự kiến giai đoạn 2024-2025 hỗ trợ cho 45 nhà giáo, số kinh phí hỗ trợ: 90.000.000 đồng *(Bằng chữ: Chín mươi triệu đồng chẵn)*.

Dự kiến giai đoạn 2026-2030 hỗ trợ cho 100 nhà giáo, số kinh phí hỗ trợ: 200.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn)*.

**3.3. Giải pháp thực hiện chính sách**

- Phương án hỗ trợ: Ngân sách thành phố hỗ trợ.

- Tổ chức thực hiện: Sau khi Nghị quyết được ban hành, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, các đơn vị liên quan tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện; trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

**3.4. Lý do lựa chọn chính sách**

Thành phố hiện chưa có chính sách hỗ trợ chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, chưa có chính sách hỗ trợ chi thù lao giảng dạy cho các nhà giáo thỉnh giảng giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố.

Nhằm chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo GDNN trên địa bàn thành phố. Thu hút nhà giáo thỉnh giảng tham gia giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố.

**4. Chính sách 4: Chính sách hỗ trợ Mô hình đào tạo gắn kết với doanh nghiệp**

**4.1. Mục tiêu của chính sách**: Hỗ trợ các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố hoạt động kết nối với doanh nghiệp, tư vấn việc làm cho học sinh, sinh viên.

**4.2. Nội dung của chính sách**

Đối tượng: Các trường cao đẳng, trường trung cấp (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố.

Nội dung: Thành phố bố trí kinh phí đầu tư thiết bị trang bị cho Góc việc làm tại các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố, phục vụ hoạt động tư vấn việc làm, kết nối với doanh nghiệp.

Mức hỗ trợ: 17.000.000 đồng/trường.

Giai đoạn 2024-2025 không đề xuất thực hiện chính sách này.

Giai đoạn 2026-2030 dự kiến hỗ trợ 17 trường cao đẳng, 7 trường trung cấp được bố trí kinh phí 408.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm linh tám triệu đồng chẵn)*.

Phương thức thực hiện: Thực hiện theo quy định về mua sắm tập trung của thành phố[[9]](#footnote-9).

**4.3. Giải pháp thực hiện chính sách**

- Phương án hỗ trợ: Ngân sách thành phố hỗ trợ.

- Tổ chức thực hiện: Sau khi Nghị quyết được ban hành, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, các đơn vị liên quan tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện; trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

**4.4. Lý do lựa chọn chính sách**

Hiện nay Trung ương và thành phố chưa có chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư thiết bị phục vụ hoạt động tư vấn việc làm, kết nối với doanh nghiệp.

Nhằm hỗ trợ các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố hoạt động kết nối với doanh nghiệp, tư vấn việc làm cho học sinh sinh viên.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

**1. Dự kiến kinh phí** **ngân sách thành phố bố trí**

Dự kiến tổng số kinh phí là: **1.207.050.150.000** đồng *(Bằng chữ: Một nghìn hai trăm linh bảy tỷ, không trăm năm mươi triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).*

Trong đó:

Năm 2024: Dự kiến kinh phí thành phố bố trí 24.266.650.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).*

Năm 2025: Dự kiến kinh phí thành phố bố trí 46.589.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ, năm trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn).*

Dự kiến giai đoạn 2026-2030: Tổng dự kiến kinh phí thành phố bố trí 1.136.194.500.000 đồng *(Bằng chữ: Một nghìn một trăm ba mươi sáu tỷ, một trăm chín mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng).*

**2. Nguồn kinh phí:** Do ngân sách thành phố bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

**3. Điều kiện bảo đảm** cho việc thi hành Nghị quyếtsau khi được thông qua: Triển khai, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, đáp ứng đủ kinh phí để thực hiện Nghị quyết.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ XEM XÉT, THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT**

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết về đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố đến năm 2030, dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố vào kỳ họp cuối năm 2023. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xin kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

*(Hồ sơ gửi kèm theo gồm: Dự thảo đề cương Nghị quyết; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách; Đề án về đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố đến năm 2030)*

|  |  |
| --- | --- |
| ­­­­***Nơi nhận:***-Như trên;- TT HĐND TP;- Ban VH-XH HĐND TP;- VP UBND TP, VP HĐND TP; - Sở Tư pháp;- Giám đốc Sở;- PGĐ Phạm Thị Huyền;- Lưu: VT, P. GDNN. | **GIÁM ĐỐC****Đỗ Văn Bình** |
|  |  |

1. Giai đoạn 2020-2023 chỉ có năm 2021, thành phố bố trí 4.150 triệu đồng chi mua sắm, sửa chữa cho 07 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thành phố quản lý (Quyết định số 3889/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 cho các cấp, các ngành, các đơn vị) [↑](#footnote-ref-1)
2. Nghị quyết số 45-NQ/TW xác định *“…để Hải Phòng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước, sớm trở thành thành phố công nghiệp gắn với cảng biển phát triển hiện đại, thông minh, bền vững với những ngành mũi nhọn như* ***kinh tế biển, cơ khí chế tạo, chế biến, điện tử, dịch vụ logistics, khoa học và công nghệ biển****”*. [↑](#footnote-ref-2)
3. Nghị quyết 30-NQ/TW xác định *“…thành phố Hải Phòng trở thành* ***trung tâm logistics*** *quốc tế hiện đại”*. [↑](#footnote-ref-3)
4. Nghị quyết số 09-NQ/ĐH xác định *“…ba trụ cột kinh tế của thành phố được xác định:* ***công nghiệp công nghệ cao, cảng biển – logistics, du lịch - thương mại*** *theo tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố đã được Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị đề ra”*; *“Cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng tập trung phát triển công nghiệp mũi nhọn như:* ***công nghiệp ô tô, chế tạo máy, điện tử tin học*** *và các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao…”*; *“Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp chế biến,* ***chế tạo****, công nghiệp công nghệ cao”.* [↑](#footnote-ref-4)
5. Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. [↑](#footnote-ref-5)
6. Thông tư số 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành  Danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. [↑](#footnote-ref-6)
7. Theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Giáo dục nghề nghiệp [↑](#footnote-ref-7)
8. Theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giáo dục nghề nghiệp [↑](#footnote-ref-8)
9. Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành danh mục tài sản, thiết bị mua sắm tập trung trên địa bàn thành phố Hải Phòng [↑](#footnote-ref-9)